TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN BIÊN
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **127/**2023/HNGĐ-ST
Ngày: 27-9-2023
"V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN BIÊN, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Thảo

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thu Trang

2. Ông Phạm Đức Hoài

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thúy Kiều - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông Trang Minh Tú - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 178/2023/TLST- HNGĐ ngày 26 tháng 6 năm 2023 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 202/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 8 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 150/2023/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 9 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị L, sinh ngày 01 tháng 01 năm 1981 (vắng mặt);

2. Bị đơn: Anh Thái Văn T, sinh năm 1988 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: ấp KB, xã ĐY, huyện AB, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện ngày 20/6/2023, đơn yêu cầu xét xử vắng mặt ngày 18/8/2023 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Nguyễn Thị L trình bày và yêu cầu như sau*:

Chị và anh Thái Văn T chung sống với nhau vào năm 2010, có đăng ký kết

hôn và được Ủy ban nhân dân xã MT, huyện HĐ, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 30/10/2013. Chị và anh Thái Văn T có 01 người con chung tên: Thái Thị Bảo Tr, sinh ngày 15/10/2012, từ khi ly thân đến nay sống chung với chị. Về tài sản chung và nợ, chị và anh Thái Văn T không có tài sản chung, chị cam kết chị và anh Thái Văn T không có nợ người khác, người khác không nợ anh chị. Quá trình chung sống anh Thái Văn T không lo làm ăn, vợ chồng thường xuyên cự cãi bất hòa, hôn nhân không hạnh phúc, đến tháng 6/2022 chị và anh Thái Văn T sống ly thân cho đến nay. Chị thấy, chị và anh Thái Văn T không còn tình cảm vợ chồng và chị yêu cầu ly hôn với anh Thái Văn T. Về quan hệ con chung, khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi dưỡng người con chung tên Thái Thị Bảo Tr, sinh ngày 15/10/2012 đến tròn 18 tuổi tự lao động sinh sống được theo nguyện vọng con, chị không yêu cầu anh Thái Văn T cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ, chị không yêu cầu giải quyết, ngoài ra chị không yêu cầu gì khác.

** Tại Bản trình bày nguyện vọng ngày 10/02/2023 của Thái Thị Bảo Tr trình bày như sau*:

Thái Thị Bảo Tr con của anh Thái Văn T và chị Nguyễn Thị L, địa chỉ: ấp KB, xã ĐY, huyện AB, tỉnh Kiên Giang, từ khi cha và mẹ không chung sống với nhau thì Thái Thị Bảo Tr sống chung với mẹ là chị Nguyễn Thị L. Nếu mẹ cha của Thái Thị Bảo Tr ly hôn thì Thái Thị Bảo Tr có nguyện vọng chung sống với mẹ là chị Nguyễn Thị L. Thái Thị Bảo Tr cam kết lời trình bày của Thái Thị Bảo Tr là đúng sự thật và chịu trách nhiệm về lời trình bày của mình.

** Tại Biên bản xác minh ngày 27 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang về nguyên nhân mâu thuẫn và tình trạng hôn nhân*:

Chị Nguyễn Thị L và anh Thái Văn T, cư trú tại: ấp KB, xã ĐY, huyện AB, tỉnh Kiên Giang chung sống hạnh phúc, thường xuyên thì không xác định rõ. Chị Nguyễn Thị L và anh Thái Văn T có 01 người con chung, hiện nay đang sống chung với chị Nguyễn Thị L.

* *Bị đơn anh Thái Văn T*: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ cho anh Thái Văn T biết và ấn định thời gian để anh có ý kiến về việc chị Nguyễn Thị L khởi kiện ly hôn và tranh chấp nuôi con với anh, nhưng anh không có ý kiến gì và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình đối với yêu cầu khởi kiện ly hôn và nuôi con của chị Nguyễn Thị L nên Toà án tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

** Tài liệu, chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án gồm*: Giấy chứng nhận kết hôn Nguyễn Thị L và Thái Văn T (Bản chính); Căn cước công dân tên Nguyễn Thị L (Bản phô tô); Giấy khai sinh tên Thái Thị Bảo Tr, sinh ngày

15/10/2012 (Bản sao); Văn bản trình bày nguyện vọng ngày 10/02/2023 của Thái Thị Bảo Tr (Bản chính); Biên bản xác minh ngày 27 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang (Bản chính); Đơn xin vắng mặt trong quá trình giải quyết và xét xử vụ án ngày 18 tháng 8 năm 2023 của chị Nguyễn Thị L (Bản chính).

** Tại phiên tòa*:

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị L gửi đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

Bị đơn anh Thái Văn T vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án thực hiện đúng các thủ tục tố tụng theo pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo pháp luật luật tố tụng dân sự, gửi đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Bị đơn vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do đề nghị xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Xét đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị L yêu cầu được ly hôn với anh Thái Văn T và được nuôi dưỡng người con chung là có căn cứ chấp nhận nên đề nghị Hội đồng xét xử cho chị Nguyễn Thị L được ly hôn với anh Thái Văn T. Về quan hệ con chung, khi anh chị ly hôn giao người con chung của anh chị cho chị Nguyễn Thị L tiếp tục nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con chị Nguyễn Thị L không yêu cầu nên đề nghị không xem xét. Về tài sản chung và nợ, chị Nguyễn Thị L tự xác định không có, không yêu cầu giải quyết đề nghị miễn xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị L yêu cầu được ly hôn với bị đơn anh Thái Văn T và nuôi con. Nguyên đơn và bị đơn đều cư trú tại: ấp KB, xã ĐY, huyện AB, tỉnh Kiên Giang nên xác định đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Thái Văn T biết và ấn định thời gian để anh có ý kiến về việc chị Nguyễn Thị L khởi kiện yêu cầu được ly hôn và tranh chấp nuôi con với anh Thái Văn T nhưng anh không có ý kiến gì và cũng không cung cấp tài liệu,

chứng cứ gì để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Toà án tổ chức và thông báo cho các bên đương sự để tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng anh Thái Văn T vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do. Như vậy, đây là thuộc trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự nên Toà án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung và tống đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa cho chị Nguyễn Thị L và anh Thái Văn T thì chị Nguyễn Thị L gửi đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, anh Thái Văn T vẫn cố tình vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do. Vì vậy, Toà án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh Thái Văn T theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, điểm a, b khoản 1 Điều 238 và Điều 241 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung: Xét về quan hệ hôn nhân, chị Nguyễn Thị L và anh Thái Văn T chung sống với nhau vào năm 2006, có đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền *(Ủy ban nhân dân xã MT, huyện HĐ, tỉnh Kiên Giang là một trong những nơi anh chị cư trú)* và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số: 51, quyển số 01 ngày 30/10/2013, anh chị đảm bảo các điều kiện kết hôn khác theo quy định của pháp luật là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận theo quy định tại Điều 11 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 nay là Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình.

Xét khởi kiện của chị Nguyễn Thị L được ly hôn với anh Thái Văn T, thời gian chị và anh Thái Văn T chung sống, anh Thái Văn T không lo làm ăn, vợ chồng thường xuyên cự cãi bất hòa, hôn nhân không hạnh phúc, đến tháng 6/2022 chị và anh Thái Văn T sống ly thân cho đến nay. Chị thấy, chị và anh Thái Văn T không còn tình cảm vợ chồng và chị yêu cầu ly hôn với anh Thái Văn T nhưng anh Thái Văn T không có ý kiến yêu cầu gì, không quan tâm đến việc chị Nguyễn Thị L yêu cầu ly hôn với anh là vi phạm nghĩa vụ giữa vợ chồng thời gian dài, vợ chồng không chăm sóc, lo lắng lẫn nhau mà anh chị không có biện pháp hàn gắn để chung sống với nhau nên hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, trong quá trình giải quyết vụ án chị Nguyễn Thị L cương quyết yêu cầu được ly hôn với anh Thái Văn T. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị Kiểm sát viên và yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị L, cho chị Nguyễn Thị L được ly hôn với anh Thái Văn T là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về quan hệ con chung, chị Nguyễn Thị L và anh Thái Văn T có 01 người con chung tên Thái Thị Bảo Tr, sinh ngày 15/10/2012. Khi ly hôn, chị Nguyễn Thị L yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng người con chung, anh Thái Văn T không có ý kiến yêu cầu gì, đồng thời con chung của anh chị từ khi anh chị ly thân đến

nay chung sống với chị Nguyễn Thị L, đã thích nghi với cuộc sống hiện tại và có nguyện vọng chung sống với chị Nguyễn Thị L. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên, yêu cầu của chị Nguyễn Thị L và nguyện vọng của con anh chị, giao người con chung của anh chị tên Thái Thị Bảo Tr, sinh ngày 15/10/2012 cho chị Nguyễn Thị L được tiếp tục nuôi dưỡng đến tròn 18 tuổi tự lao động sinh sống được là phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con, chị Nguyễn Thị L không yêu cầu anh Thái Văn T cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

Về tài sản chung và nợ, chị Nguyễn Thị L tự xác định, anh chị không có tài sản chung, chị Nguyễn Thị L cam kết anh chị không có nợ người khác, người khác không có nợ anh chị và chị không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp chia tài sản chung và nợ thì được xem xét giải quyết bằng vụ kiện khác.

[4] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 207, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, điểm a, b khoản 1 Điều 238, Điều 241, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 9, khoản 1 Điều 51, Điều 56, khoản 2 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTV QH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị L được ly hôn với anh Thái Văn T.

2. Về quan hệ con chung: Giao người con chung của anh chị tên Thái Thị Bảo Tr, sinh ngày 15 tháng 10 năm 2012 cho chị Nguyễn Thị L được tiếp tục

nuôi dưỡng đến tròn 18 tuổi tự lao động sinh sống được và hiện nay đang chung sống với chị Nguyễn Thị L.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Nguyễn Thị L không yêu cầu anh Thái Văn T cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

4. Về tài sản chung và nợ: Chị Nguyễn Thị L tự xác định, anh chị không có tài sản chung, chị Nguyễn Thị L cam kết anh chị không có nợ người khác, người khác không có nợ anh chị và chị không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp chia tài sản chung và nợ thì được xem xét giải quyết bằng vụ kiện khác.

5. Về án phí: Buộc chị Nguyễn Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0008788 ngày 26 tháng 6 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang. Chị Nguyễn Thị L đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện An Biên;
- Chi cục THADS huyện An Biên;
- UBND xã MT, huyện HĐ, Kiên Giang;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA,VP (Kiều).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Thảo